

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 09-11-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Tài

2. Ông Bùi Tấn Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

a/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1989; địa chỉ: Khối phố N, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (có mặt)

b/ Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm: 1990; địa chỉ: Khối phố N, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ông và bà Trần Thị N kết hôn vào ngày 23/4/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ ông thường xuyên hờn lảo, xúc phạm cha mẹ ông.

Khi sống tại quận S, thành phố Đà Nẵng thì bà N thường xuyên đi đánh bạc và đã bị công an xử lý vi phạm hành chính. Có lần bà N bị Bộ đội biên phòng quận Sơn Trà bắt tạm giữ vì đi cùng người buôn bán ma túy. Đến năm 2019, vợ chồng ông về sinh sống tại phường Điện N vì bà N thường xuyên đi chơi với bạn bè khi ở Đà Nẵng.

Đến đầu năm 2020 thì vợ chồng ông không còn sống chung với nhau nữa, bà N sống tại nhà cha mẹ ông còn ông thuê nhà trọ chỗ khác để sinh sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên ông T cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Trần Thị N.

Về con chung: có 3 con chung là Nguyễn Hữu Gia K, sinh ngày 15/5/2014; Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 07/12/2015 và Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 17/4/2020.

Khi ly hôn, ông T yêu cầu được nuôi con Nguyễn Hữu Gia K, sinh ngày 15/5/2014; Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 07/12/2015 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Ngoài ra, ông T không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai ngày 07/6/2021 và những lời khai tiếp theo, bị đơn bà Trần Thị N trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn, bà N hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của ông T, không bổ sung gì thêm. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì do ông T có quan hệ bất chính với người khác nên không quan tâm đến vợ con.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ chồng ở phường Điện N cho đến nay. Khoảng 01 năm gần đây thì ông T có quan hệ bất chính với người khác. Khoảng giữa tháng 05/2021, bà N có bắt quả tang chồng quan hệ bất chính với phụ nữ khác và có chính quyền địa phương lập biên bản. Bà N không nhớ rõ địa chỉ, chỉ biết là một homestay ở đường Hùng Vương, thành phố Hội An và sau đó được chủ nhà báo cho Công an đến giải quyết.

Ông T cho rằng bà đánh bạc bị xử lý hành chính là không đúng vì bà chỉ đứng bên ngoài nhưng vẫn bị bắt và xử phạt số tiền 1.500.000đ. Năm 2019, bà không liên quan đến những người buôn bán ma túy vì bà đi bán dừa có ghé nhà chị để chơi nên bị Công an bắt. Vì bà không liên quan đến ma túy nên được công an thả về.

Nay ông T làm đơn xin ly hôn với bà thì bà thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn có thể khắc phục được nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 3 con chung như lời trình bày của ông T. Nếu ông T cương quyết ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi cả 3 con Nguyễn Hữu Gia K, sinh ngày 15/5/2014; Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 07/12/2015; Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 17/4/2020 và yêu cầu ông Nguyễn Hữu T cấp dưỡng cho con chung là Nguyễn Hữu Gia K, Nguyễn Trần Phương U, Nguyễn Ngọc Bảo C mỗi tháng 5.000.000đồng/cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Ngoài ra bà không có ý kiến và trình bày gì thêm.

Đại diện VKSND thị xã Điện Bàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Quá trình Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành tốt quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát cho rằng: việc mâu thuẫn của các đương sự đã trầm trọng nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung: đề nghị giao con chung là Nguyễn Hữu Gia K, sinh ngày 15/5/2014 cho ông Nguyễn Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 07/12/2015; Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 17/4/2020 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông T và tuyên mức cấp dưỡng phù hợp. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T và bị đơn bà Trần Thị N. Bị đơn hiện đang cư trú tại địa chỉ: khối phố N, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Bị đơn bà Trần Thị N có mặt tại phiên tòa nhưng bỏ về giữa chừng nên HĐXX quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị N có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà N thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng và vẫn còn tình cảm với ông T nên không đồng ý ly hôn. Quá trình chung sống, bà N đã nhiều lần khuyên nhủ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T không đồng ý.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần hoà giải để vợ chồng ông T và bà N về đoàn tụ chung sống, xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng ông T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn bà N. Bà N cho rằng ông T có quan hệ bất chính với người khác nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Mặc dù bà N không đồng ý ly hôn vì cho rằng mình có thể bỏ qua sai phạm của chồng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn. Thực tế vợ chồng đã không còn sống chung cho thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, tại phiên tòa bà N đồng ý ly hôn và bỏ về, không tiếp tục tham gia phiên tòa. Do

đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho ông Nguyễn Hữu T được ly hôn với bà Trần Thị N là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Ông T và bà N có 03 con chung là Nguyễn Hữu Gia K, sinh ngày 15/5/2014; Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 07/12/2015; Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 17/4/2020. Khi ly hôn ông T yêu cầu được nuôi cháu Khánh và cháu Uyên, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung. Bà N không đồng ý ly hôn nhưng nếu ông T cương quyết ly hôn thì bà có nguyện vọng nuôi cả 3 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 5.000.000đồng/con. Cháu Nguyễn Hữu Gia K có nguyện vọng sống cùng cha.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại ông T và bà N không còn sống chung, cháu Khánh đang sống cùng ông T và có nguyện vọng được ở với cha. Cháu Uyên và Châu là con gái lại đang ở độ tuổi thiếu niên nên cần sự chăm sóc, giáo dục của mẹ. Do đó, để đảm bảo cuộc sống tốt nhất về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật HN&GD thống nhất giao con chung là Nguyễn Hữu Gia K, sinh ngày 15/5/2014 cho ông Nguyễn Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 07/12/2015; Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 17/4/2020 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà Trần Thị N yêu cầu ông Nguyễn Hữu T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ/con. Ông Nguyễn Hữu T chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho Nguyễn Ngọc Bảo C.

HĐXX xét thấy, trách nhiệm chăm sóc, giáo dục và cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phù hợp với nhu cầu hiện tại của con và thu nhập của người cấp dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho các con có cuộc sống đảm bảo cũng như phát triển bình thường. Hội đồng xét xử cần xem xét đến điều kiện kinh tế của mỗi người để áp dụng mức cấp dưỡng cho phù hợp với thực tế.

Theo trình bày của ông T thì hiện nay ông đang làm lao động tự do với thu nhập khoảng 7.000.000đ/tháng nên chỉ đồng ý cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng và chỉ cấp dưỡng cho Nguyễn Ngọc Bảo C.

Hội đồng xét xử nhận thấy: hiện nay bà N phải nuôi con nhỏ với những điều kiện tối thiểu tại địa phương thì mỗi cháu ít nhất chi phí 3.000.000đ. Ông T đang nuôi Nguyễn Hữu Gia K nên chỉ phải cấp dưỡng nuôi con cho 1 cháu là hợp lý. Nếu buộc ông T phải chu cấp từ 5.000.000đ/tháng sẽ không đảm bảo sinh hoạt của ông T. Vì vậy, mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng/con là phù hợp. Do đó không chấp nhận đề nghị của bà Trần Thị N.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Hữu T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 17/4/2020 với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng cho đến khi Nguyễn Ngọc Bảo C đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 54, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật HN&GD; Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho Ông Nguyễn Hữu T được ly hôn bà Trần Thị N

2/ Về con chung: có 3 con chung

- Nguyễn Hữu Gia K, sinh ngày 15/5/2014

- Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 07/12/2015

- Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 17/4/2020

Giao con chung là Nguyễn Hữu Gia K, sinh ngày 15/5/2014 cho ông Nguyễn Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung là Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 07/12/2015 và Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 17/4/2020 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 17/4/2020 mỗi tháng 2.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2021 cho đến khi Nguyễn Ngọc Bảo C đủ 18 tuổi.

Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: không có

4/ Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0004389 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Ông Nguyễn Hữu T còn phải nộp 300.000đ tiền án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- UBND phường Mân Thái, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân